

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5-2020

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Châu Hoàng;

2. Ông Tạ Hồng Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 56/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn U - Sinh năm 1969 - Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn ĐT, huyện H, tỉnh Long An. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Trương Thị T - Sinh năm 1965 - Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn ĐT, huyện H, tỉnh Long An. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 30-8-2020, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Huỳnh Văn U trình bày:

Ông và bà Trương Thị T cưới nhau có đăng ký kết hôn ngày 15-01-2001 tại Ủy ban nhân thị trấn ĐT. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà T không quan tâm, chăm sóc ông và mâu thuẫn trong quản lý kinh tế, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông và bà T sống ly thân từ ngày 02-3-2020 đến nay.

Về hôn nhân: Ông yêu cầu ly hôn với bà Trương Thị T;

Về nuôi con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về chia tài sản chung: Đề tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về chia nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Tại Bản tự khai ngày 22-4-2020, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn là bà Trương Thị T trình bày:

Bà thống nhất trình bày của ông Huỳnh Văn U về ngày tháng và điều kiện kết hôn, ly thân, con chung, việc tự thỏa thuận về tài sản chung và việc không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về mâu thuẫn là có xảy ra nhưng chưa đến mức phải ly hôn, do ông U quan hệ với phụ nữ khác về gây với bà và xin ly hôn.

Về hôn nhân: Bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông U.

Vụ việc được hòa giải Tòa án nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Huỳnh Văn U khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Trương Thị T, Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án;

[3] Xét về hôn nhân:

[3.1] Ông U và bà T chung sống có đăng ký kết hôn ngày 15-01-2001 tại Ủy ban nhân xã thị trấn ĐT, huyện H, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa ông U và bà T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

[3.2] Đồng thời xét yêu cầu ly hôn của ông U và yêu cầu đoàn tụ của bà T:

[3.2.1] Ông U cho rằng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà T không quan tâm, chăm sóc ông và về quản lý kinh tế nên thường xuyên cãi vã; Bà T cho rằng có mâu thuẫn xảy ra nhưng chưa đến mức phải ly hôn, do ông U quan hệ với phụ nữ khác về gây với bà và xin ly hôn.

[3.2.2] Ông U và bà T không đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày và yêu cầu của ông bà là có căn cứ và hợp pháp.

[3.2.3] Xét ông U và bà T xảy ra mâu thuẫn và ly thân từ ngày 02-3-2020, hiện vẫn sống ly thân, tự mỗi người lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau, mặc dù được Tòa án tiến hành hòa giải, nhưng bà T vẫn không có giải pháp

hữu hiệu để khắc phục mâu thuẫn gia đình. Mâu thuẫn giữa ông U và bà T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông U yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận. Ngược lại, yêu cầu đoàn tụ của bà T là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét về nuôi con chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

[5] Xét về chia tài sản chung: Ông U và bà T trình bày để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập giải quyết.

[6] Xét về chia nợ chung: Ông U và bà T trình bày không có, nên không đề cập giải quyết; Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 60 Luật Hôn nhân gia đình.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy:

Ông U là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, ông U đã nộp đủ án phí; Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 56, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Ông Huỳnh Văn U được ly hôn với bà Trương Thị T.
2. Về nuôi con chung: Không có, không đề cập giải quyết.
3. Về chia tài sản chung: Không yêu cầu, không đề cập giải quyết.
4. Về chia nợ chung: Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự.
5. Về án phí: Ông Huỳnh Văn U phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004997 ngày 03-3-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, ông U đã nộp đủ án phí;
6. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 14-5-2020).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND TT.ĐT (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương